TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2019
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Thường.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Qết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: Thôn S,thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm P, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT: Thôn S,thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án tại đội 8 phân trại số 3 - Trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị Q và anh T (Chị Q và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 02-4-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04-5-2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống do đó cuộc sống chung thường xuyên xảy ra xô xát. Tháng 5-2013, anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 13 (mười ba) năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em", hiện nay anh T đang thi hành án tại Trại giam Tân Lập, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Phú Thọ. Từ khi anh T đi chấp hành án cho đến nay, một mình chị phải nuôi con với sự trợ giúp của bố mẹ đẻ chị; gia đình anh T không hề quan tâm giúp đỡ cho chị trong việc nuôi dạy, chăm sóc các con và hoàn toàn giao phó việc thăm nuôi anh T cho chị vv... Sau khi anh T đi chấp hành án chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy mình không còn đủ khả năng để tiếp tục lo cho anh T nữa, bản thân chị không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục cuộc sống như hiện nay chị thấy rất mệt mỏi, không có hạnh phúc và không có tương lai. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải Qết cho chị được ly hôn với anh Trần Mạnh T.

- Về con chung: Chị và anh Trần Mạnh T có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30-01-2007 và cháu Trần Khánh T, sinh ngày 11-01-2013. Ly hôn, chị xin nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T không có gì vì vậy chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-5-2019 tại trại giam Tân Lập, tỉnh Phú Thọ, bị đơn là anh Trần Mạnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04-5-2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng anh không sống ly thân với nhau và không phát sinh mâu thuẫn gì nhưng chị Q xin ly hôn với anh thì anh nhất trí, đồng ý ly hôn để giải phóng cho chị Q.

- Về con chung: Anh và chị Q có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30-01-2007 và cháu Trần Khánh T, sinh ngày 11-01-2013. Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù nên không thể nuôi dưỡng con chung được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu D và T. Khi nào hết thời gian chấp hành án phạt tù anh sẽ có quyền và trách nhiệm với con chung.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Mạnh T.

+ Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30-01-2007 và cháu Trần Khánh T, sinh ngày 11-01-2013 cho chị Q trông năm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Mạnh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố S,thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Q đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do điều kiện công việc nên xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là anh Trần Mạnh T hiện đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã có đơn đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2013, anh T phạm tội "Hiếp dâm trẻ em" và bị xử phạt 13 năm tù. Từ khi anh T đi chấp hành án trong trại giam, một mình chị Q phải chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế lẫn tinh thần. Nay chị Q xác định không còn tình cảm với anh T, chị có nguyện vọng xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng bản thân anh T là trụ cột gia đình nhưng không đem lại hạnh phúc cho vợ con, không thể cùng chị Q xây dựng một gia đình hạnh phúc. Qua thực tế thể hiện tình trạng hôn nhân của chị Q và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử ly hôn giữa chị Q và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30-01-2007 và cháu Trần Khánh T, sinh ngày 11-01-2013. Ly hôn, chị Q có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con từ khi anh T đi chấp hành án trong trại giam cho đến nay. Do đó, để đảm bảo điều kiện sinh sống và học tập của hai cháu D và T nên tiếp tục giao hai cháu D và T cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quyết định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30-01-2007 và cháu Trần Khánh T, sinh ngày 11-01-2013 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Q.

Anh Trần Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 09923 ngày 02-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Gấm